



ISSN: 1859-3100

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH
TẠP CHÍ KHOA HỌC

KHOA HỌC GIÁO DỤC
Tập 14, Số 7 (2017): 16-31

HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF EDUCATION
JOURNAL OF SCIENCE

EDUCATION SCIENCE
Vol. 14, No. 7 (2017): 16-31

Email: tapchikhoahoc@hcmue.edu.vn; Website: http://tckh.hcmue.edu.vn

VẤN ĐỀ NGỮ PHÁP VĂN BẢN TRONG BIÊN DỊCH ANH-VIỆT VÀ VIỆT-ANH CỦA SINH VIÊN KHOA TIẾNG ANH TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thanh Tùng*

Khoa Tiếng Anh – Trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh

Ngày Tòa soạn nhận được bài: 20-5-2017; ngày phân biện đánh giá: 25-5-2017; ngày chấp nhận đăng: 29-7-2017

TÓM TẮT

Bài viết nghiên cứu cách 45 sinh viên (SV) năm 3 chuyên ngành Biên-phiên dịch khoa Anh Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHSP TPHCM) xử lý vấn đề ngữ pháp văn bản trong các bản dịch Anh-Việt và Việt-Anh. Cứ liệu được thu thập từ một tập hợp bốn bài dịch và phân tích trên cơ sở lý thuyết về liên kết của Halliday (1976). Kết quả nghiên cứu cho thấy bước phân tích nghĩa trước khi dịch đóng vai trò quan trọng, đặc biệt là khi đơn vị dịch vượt ra khỏi ranh giới của câu, do có liên kết nghĩa giữa các câu và do chuẩn mực của các phương tiện liên kết hình thức không phải lúc nào cũng tương đương trong 2 ngôn ngữ.

Từ khóa: ngữ pháp văn bản, liên kết, nghĩa, chuẩn mực, các phương tiện liên kết hình thức.

ABSTRACT

Textual grammar problems encountered by the English Department students at Ho Chi Minh City University of Education in their English-Vietnamese and Vietnamese-English translation

This paper investigates how 45 translation-interpretation major juniors at the Department of English in Ho Chi Minh City University of Education deal with the issues of textual grammar in their English-Vietnamese and Vietnamese-English translation. The data were collected from a set of four selected texts for translation and analyzed, based on the theoretical framework Halliday's (1976) cohesion. The findings indicate that when the unit of translation goes beyond the boundary of a sentence, analyzing the meaning of a text before its translation plays an important part as there is cohesion in meaning between sentences and the norms of formal cohesive devices are not always equivalent in two languages.

Keywords: textual grammar, cohesion, meaning, norm, formal cohesive devices.

1. Dẫn nhập

Ngày nay nhu cầu chuyển mã của hai ngôn ngữ, đặc biệt là tiếng Việt và tiếng Anh, tăng với tốc độ đáng kể do nhu cầu giao lưu và phát triển xã hội ngày càng cao. Nhu cầu này đòi hỏi phải nghiên cứu và giải quyết các vấn đề về dịch thuật

không chỉ trên bình diện thực tiễn mà cả trên cơ sở lý luận khoa học, hay nói cách khác, trên bình diện lý thuyết dịch. Theo Catford, trong dịch thuật, kiến thức ngôn ngữ đóng vai trò rất quan trọng, giúp phân tích chính xác những gì liên quan đến quá trình dịch từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ

* Email: tungnth@hcmup.edu.vn

khác. Do dịch thuật liên quan đến ngôn ngữ, nên việc phân tích và miêu tả các quá trình dịch phải sử dụng đáng kể những phạm trù được xác lập để miêu tả ngôn ngữ (1965, p.vii). Chẳng hạn Nida và Taber đi theo hướng sử dụng ngôn ngữ học miêu tả để giải quyết các vấn đề trong dịch thuật. Trong chương về phân tích ngữ pháp, hai nhà nghiên cứu này đề cập các loại câu nòng cốt trong khi dịch, cách phân tích ngữ pháp của những loại câu này, rồi sau đó là chuyển di nghĩa bằng cách cấu trúc lại những loại câu này trong ngôn ngữ của người tiếp nhận. Hướng này chỉ dừng lại ở cấp độ ngữ pháp câu (1982, p.19). Cho đến nay, những người quan tâm đến công tác dịch thuật Việt-Anh và Anh-Việt ở Việt Nam cũng chủ yếu tập trung vào câu như là một đơn vị trong việc nghiên cứu ngôn ngữ và vì vậy cũng là đơn vị trong dịch thuật: các tài liệu luyện dịch của Nguyễn Thanh Lương (2000) và Hà Văn Bửu (2004).

Khi xem đơn vị dịch không chỉ là những đơn vị ở cấp độ câu mà còn là những đơn vị lớn hơn câu, các nhà nghiên cứu đã đề nghị các cách tiếp cận khác nhau. Một trong những cách tiếp cận này là dùng ngữ pháp chức năng hệ thống của Halliday (1978), theo đó ngôn ngữ được sử dụng để thực hiện 3 chức năng sau: chức năng ý niệm/tư tưởng, chức năng liên nhân và chức năng ngôn bản. Đối với chức năng ngôn bản, ta cần chú ý đến việc tổ chức thông tin trong văn bản, cấu trúc văn bản, vấn đề đề hóa, cách kết nối các mệnh đề với nhau để tạo nên liên kết văn bản. Hướng dịch theo quan điểm chức năng đã

được Bell (1991) sử dụng trong công trình về dịch thuật của mình.

Có lẽ nghiên cứu trực tiếp liên quan đến một loại ngữ pháp không phải là ngữ pháp truyền thống trong dịch thuật là của Xue và Xie (2004). Hai tác giả này đã sử dụng ngữ pháp chức năng để đánh giá cách người dịch xử lý sự phân bố thông tin cũ và mới trong văn bản khi dịch từ ngôn ngữ nguồn sang ngôn ngữ đích. Những nghiên cứu như thế này về ngữ pháp chức năng nói chung và về chuỗi đề trong dịch thuật không nhiều. Các vấn đề khác liên quan đến ngữ pháp trên câu cũng xảy ra tình trạng tương tự như vậy, như nhận định của hai nhà nghiên cứu này trong phần tóm tắt bài báo của mình: sách vở và các bài viết liên quan đến khía cạnh ngữ pháp diễn ngôn này mặc dù có, nhưng còn ít và không đi sâu vào chi tiết, hoặc nếu có thì cũng chỉ liên quan đến dịch văn bản nói chung.

Đây là vấn đề chúng tôi quan tâm và cũng là hướng chúng tôi đề xuất khi phân tích và đánh giá các bản dịch của người học, đặc biệt là những vấn đề liên quan đến liên kết văn bản trong dịch thuật. Trên thực tế, vấn đề này có tầm quan trọng trong dịch thuật do “sự liên kết, tính mạch lạc và việc tổ chức văn bản” là một trong các tiêu chí để đánh giá các bản dịch ngoài sự chính xác trong việc chuyển di thông tin, sự lựa chọn phù hợp từ vựng, thành ngữ, thuật ngữ và ngữ vựng, sự chính xác trong các khía cạnh kỹ thuật của phép chấm câu (Munday, 2008, p.31).

Đề tài này nhằm mục đích tìm hiểu những khó khăn SV gặp phải đối với

những vấn đề liên quan đến ngữ pháp trên câu, hay ngữ pháp văn bản. Chính vì vậy, hai câu hỏi nghiên cứu chính được đặt ra là:

1. SV gặp phải những vấn đề gì khi dịch những nội dung liên quan đến ngữ pháp trên câu?

2. SV xử lí những vấn đề liên quan đến ngữ pháp văn bản mình gặp phải trong khi dịch như thế nào?

2. Cơ sở lí luận

Cho tới thập niên 70 của thế kỉ XX, các nhà ngôn ngữ học cho rằng đơn vị lớn nhất trong việc nghiên cứu ngôn ngữ là câu. Tuy nhiên, sau đó cùng với trào lưu của các ngữ pháp hình thức, ngữ pháp văn bản hình thành với đơn vị nghiên cứu vượt qua ranh giới câu. Từ đây nảy sinh giả thuyết, khác với ngữ pháp câu, có loại ngữ pháp văn bản mà đơn vị lớn nhất là văn bản. Ngữ pháp văn bản đã chứng minh văn bản là một đơn vị ngôn ngữ chỉnh thể, trọn vẹn về mặt nội dung và hình thức. Giữa các câu trong văn bản có những mối liên kết chặt chẽ.

Khi nói đến lĩnh vực ngữ pháp văn bản, các nhà ngôn ngữ học ở Việt Nam thường liên tưởng đến 2 nhà nghiên cứu được xem là đặt nền móng cho việc nghiên cứu liên kết văn bản trong tiếng Việt và tiếng Anh, đó là Trần Ngọc Thêm (1985) với Halliday (1976). Theo Trần Ngọc Thêm (1985), liên kết chủ đề gồm có hai loại là song song và móc xích còn liên kết logic thể hiện qua sự phân bố giữa phép tuyến tính và các phép nối. Còn liên kết hình thức trong văn bản được thực hiện bằng nhiều phương thức liên kết – cách tổ

chức liên kết, bao gồm nhiều phương tiện ngôn ngữ khác nhau có chung đặc điểm liên kết nào đó. Tác giả này cũng đưa ra các phương thức liên kết giữa các phát ngôn, chung cho cả ba loại phát ngôn (câu tự nghĩa, câu hợp nghĩa, và ngữ trực thuộc), bao gồm các phép liên kết như sau: lặp (từ vựng, phữ pháp, ngữ âm), phép đối, phép thế đồng nghĩa, phép liên tưởng và phép tuyến tính; các phương thức liên kết hợp nghĩa có phép thế đại từ (khiếm diện, dự báo, hồi quy), phép tỉnh lược (liên kết và yếu), phép nối (liên kết và lỏng); các phương thức liên kết trực thuộc gồm phép tỉnh lược mạnh, phép nối chặt.

Halliday (1976) đưa ra một hệ thống liên kết trong tiếng Anh gồm 5 phương tiện liên kết hình thức như sau: phép quy chiếu, phép thế, phép tỉnh lược, phép nối, và phép liên kết từ vựng. Phép quy chiếu dùng đại từ, hoặc từ chỉ định được chia làm 3 loại dùng để quy chiếu cho từ, nhóm từ đã được xác định trước đó (hồi chỉ), sau đó (khứ chỉ), bên ngoài trong văn cảnh tình huống (ngoại chỉ). Phép thế giúp cho người viết thêm được những cách liên kết với từ, ngữ mà đã được đề cập trước, cũng như tránh tình trạng lặp. Phép tỉnh lược sẽ lược bỏ đi từ hay cụm từ đã được đề cập trước để giảm thiểu câu và tránh hiện tượng lặp. Phép nối đóng vai trò then chốt trong mạch tư duy của người viết, nhờ vào nó mà từ, cụm, mệnh đề, câu được kết nối logic, mạch lạc, tạo cho bài viết sự gắn kết và được chia thành 4 loại: cộng tổ, đối lập, nguyên nhân và thời gian. Cuối cùng là việc dùng từ vựng tạo mối liên kết giữa các đơn vị ngôn ngữ với nhau. Phép liên kết từ

vựng được chia thành 3 kiểu: (i) phép lặp, (ii) phép dùng từ đồng nghĩa, gần nghĩa và trái nghĩa, và (iii) phép phối hợp từ ngữ).

Như vậy, các phương tiện liên kết giúp tạo nên một mạng lưới kết dính các câu văn lại với nhau thành một khối thống nhất, giúp cho bài viết trở nên mạch lạc, súc tích. Lí thuyết về ngữ pháp văn bản nói chung và liên kết nói riêng như được trình bày trong phần trên sẽ được tiếp tục làm rõ trong mối quan hệ với lí thuyết dịch. Nói cách khác, những vấn đề về ngữ pháp văn bản có được chú ý trong lí thuyết dịch và mức độ quan tâm là như thế nào.

Larson (1998) nêu rõ tầm quan trọng của việc thảo luận đại từ như là phương tiện liên kết diễn ngôn, đặc biệt là do các đại từ không hành chức như nhau trong các ngôn ngữ khác nhau. Chẳng hạn như trong tiếng Anh việc giới thiệu người tham gia mới dùng danh ngữ rồi sau đó quy chiếu vào người tham gia này dùng đại từ xuyên suốt phần còn lại của đoạn văn là khá phổ biến. Trên thực tế, đại từ thường được sử dụng để cho thấy người tham gia cụ thể này là chủ đề của cả đoạn văn (p.443). Còn trong tiếng Việt, ta có thể dễ dàng nhận thấy đại từ thường không được sử dụng để quy chiếu hồi chỉ người hoặc vật được giới thiệu ở câu đầu tiên trong đoạn văn. Thay vào đó, lặp từ vựng hoàn toàn thường được sử dụng trong cả đoạn văn. Sự khác biệt này trong liên kết ở cấp độ ngữ pháp trên câu cần được lưu ý. Nếu không, ta có thể sử dụng những hình thái không được xem làm chuẩn mực trong một ngôn ngữ dù rằng trong ngôn ngữ kia việc sử dụng như thế này nghe rất tự nhiên.

Để giúp người học đánh giá bản dịch của mình, Duff (1989) đưa ra một số hướng dẫn, theo đó người học cần chú ý đến nghĩa, hình thái, ngữ vực, văn phong và sự rõ ràng, thành ngữ, và đặc biệt là ảnh hưởng của ngôn ngữ nguồn. Liên quan đến ảnh hưởng của ngôn ngữ nguồn, một trong những lời chỉ trích liên quan đến việc dịch là bản dịch nghe không có vẻ tự nhiên. Điều này là do suy nghĩ và việc lựa chọn từ ngữ của người dịch rập khuôn nặng nề văn bản gốc (p.10-11).

Trong khoảng hơn một thập niên vừa qua, phân ngành Ngôn ngữ học So sánh phát triển khá mạnh ở Việt Nam với nhiều công trình nghiên cứu so sánh giữa hai ngôn ngữ, đa phần vẫn là so sánh tiếng Việt và tiếng Anh. Có khá nhiều tác giả nghiên cứu về hệ thống liên kết trong tiếng Việt và tiếng Anh, so sánh hệ thống liên kết trong tiếng Việt và tiếng Anh. Tuy nhiên, những nghiên cứu như thế này chỉ dừng lại ở chỗ so sánh, hiếm có công trình nào đi sâu tìm hiểu cách chuyển dịch các phương tiện liên kết từ tiếng Anh sang tiếng Việt, hay ngược lại, từ tiếng Việt sang tiếng Anh.

3. Phương pháp nghiên cứu

Tham gia nghiên cứu này gồm 45 SV năm 3 (12 nam và 33 nữ trong độ tuổi 21-22) hệ cử nhân ngoài sư phạm thuộc chuyên ngành Biên-phiên dịch, Khoa Tiếng Anh, Trường ĐHSP TPHCM, có năng lực tiếng khá tốt. Khi học chương trình này, SV ngoài việc được cung cấp lí thuyết dịch, còn được thực hành biên và phiên dịch theo ba mảng kiến thức chính là báo chí, thương mại và du lịch.

Cứ liệu được thu thập trong năm 2013 từ các bài khóa dùng để giảng dạy mà chúng tôi chủ yếu lấy từ các nguồn sau:

1. Nhóm EIL. (2006). *Cẩm nang luyện dịch báo chí Anh-Việt Việt-Anh*. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Thanh niên.

2. Trương Quang Phú. (2008). *56 bài luyện dịch Anh-Việt Việt-Anh*. Cà Mau: NXB Phương Đông.

3. Các tài liệu cập nhật về thương mại, du lịch và báo chí trên mạng.

Có nhiều bài được chọn để dạy với nhiều nội dung liên quan đến kỹ năng dịch như vấn đề nghĩa của từ, ngữ pháp ở cấp độ câu, vấn đề đọc giả trong khi dịch, và cách dịch thành ngữ. Tuy nhiên, do đề tài chỉ tập trung vào ngữ pháp trên câu nên sau khi giảng dạy xong các bài được chọn, chúng tôi chỉ chọn các bài dịch sau đây để phân tích do có nội dung gắn với phạm vi và mục đích nghiên cứu:

Bài 1: Dịch Việt-Anh: Cộng hưởng thầy - trò (Trương Quang Phú, 2008);

Bài 2: Dịch Anh-Việt: Goldman Sachs sees strong results (BBC, 2009);

Bài 3: Dịch Anh-Việt: No place like home away from home (Nhóm EIL, 2006);

Bài 4: Dịch Anh-Việt: Fire up the knee top (Nhóm EIL, 2006).

Trước khi giảng viên sửa bài dịch, SV được yêu cầu tự thực hành dịch trước. Các bản dịch này sẽ được sử dụng ngay sau đó theo trình tự như sau: Giảng viên chọn ngẫu nhiên vài bài rồi đọc lên cho lớp nghe và nhận xét, sau đó hướng dẫn đánh giá bài dịch và cách dịch sao cho đúng với lý thuyết dịch, có chú ý đến ngữ pháp ở cấp độ trên câu.

Cụ thể, ở Bài 1 có điểm ngữ pháp văn bản trong các câu sau đây cần chú ý khi dịch (các câu 1, 2 và 3):

(1) *Chỉ trong vòng chưa đến hai tuần lễ, báo chí lần lượt “trình làng” hai bài văn gây xôn xao dư luận.* (2) *Đó là bài văn “Bản chất của sự thành công” của em Hà Minh Ngọc, lớp chuyên văn 06-09 của Đại học Sư phạm Hà Nội và bài văn thứ hai là của em Nguyễn Thị Hậu – học sinh lớp 10A2 Trường Huỳnh Thúc Kháng thành phố Vinh, Nghệ An.* (3) *Nếu bài thứ nhất mạnh mẽ về cấu trúc ý tưởng, chặt chẽ trong lập luận và trôi chảy trong trình bày – bộc lộ rõ thế mạnh của một học sinh trường chuyên, thì bài thứ hai lại mang đến một cảm xúc lớn, một cảm xúc hết sức nhân văn từ một học sinh bình thường khi viết về người cha thân yêu của mình.*

Dưới đây là phần dịch gợi ý cho những chỗ cần xem xét:

(1) *Two successive student essays....* (2) *One of them... and the other....* (3) *While the first essay..., the other...*

Có thể thấy có 2 chỗ cần lưu ý khi dịch. Một là cách dịch one of them/ the first essay... the other và hai là cách dùng liên từ nối ý While (trong khi) thể hiện sự tương phản, đáp ứng các chuẩn mực của tiếng Anh và phù hợp với ngữ cảnh.

Ở Bài 2 cần chú ý đến các điểm ngữ pháp văn bản trong các câu sau đây liên quan đến từ *quarterly* khi dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt (câu 1 và 2):

(1) *Goldman Sachs has reported a \$1.8bn net quarterly profit, beating analyst expectations.* (2) *In contrast, the previous*

quarter had seen first post its first quarterly loss since going public in 1999.

Dưới đây là phần dịch gợi ý cho những chỗ cần xem xét:

(1) ...trong quý mới nhất... (2) ...trong quý trước đó... loan báo lỗ lần đầu tiên... Trong văn bản này, ngữ cảnh đóng vai trò quyết định đến nghĩa của từ, câu trước quyết định nghĩa của câu sau. Cách dịch gợi ý quý mới nhất là chính xác dù rằng cũng có thể dùng các hình thái khác để diễn đạt cùng một nội dung: *quý vừa qua, quý vừa rồi, quý trước*. Tương tự, ngoài *quý trước đó* như trong bản dịch gợi ý, còn có thể sử dụng các hình thái khác như *quý trước nữa, trước quý vừa rồi, trước quý vừa qua*. Có thể thấy 2 hình thái sau cùng nghe không được gãy gọn lắm, nhưng bù lại nội dung vẫn được bảo đảm, còn hơn là cách dịch *quý trước*. Cuối cùng từ *quarterly* trong câu 2 cũng không cần dịch sang tiếng Việt.

Ở Bài 3 cần chú ý đến các điểm ngữ pháp văn bản trong các câu sau đây khi dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt (câu 3 và 4 và câu 7 và 8):

(1) *There's no place like home – Especially when you're a stranger visiting a strange land for the first time.* (2) *Traditional Asian hospitality has made home stays a popular alternative for travelers who wish not only to trim costs but to experience life as lived in a family setting, with the chance to see how people eat, sleep and relax.* (3) *The only rule of thumb is to be considerate.* (4) *A private home is not a hotel, so don't look for maid service, or even much privacy – the*

expectation is that you are there to participate in a cultural exchange and spend time with your hosts who are putting themselves out for very little money.... (7)

The rates are \$35 to 50\$ a night and guests are asked to provide their own towels and stow away their bedding in the morning.

(8) *They will be made to feel part of the family.*

Dưới đây là phần dịch gợi ý cho những chỗ cần xem xét:

(3) *Đó là vấn đề đáng quan tâm nhất*... (8) *Nhưng đổi lại thì họ sẽ được coi như một thành viên trong gia đình.*

Vấn đề liên quan đến dịch nằm ở câu 3 và câu 8. Trong từ điển Anh-Việt, từ *considerate* có nghĩa là các loại nghĩa như *thận trọng, chu đáo, ý tứ*. Ý trong câu 3 lại liên quan đến ý trong câu tiếp theo: *nhà riêng chứ không phải là khách sạn, không nên đòi hỏi có người phục vụ và sự riêng tư*. Vì vậy, người ở trọ sống phải có “ý tứ” khi ở đây. Vì vậy, cách dịch gợi ý “*Đó là vấn đề đáng quan tâm nhất*” chưa phù hợp với ngữ cảnh này. Còn ý trong câu 8 có liên quan đến ý trước đó trong câu 7. Ý sau “*được coi như một thành viên trong gia đình*” và ý trước “*tự trang bị khăn tắm và tự dọn phòng*” là đối lập với nhau và việc “*được coi như một thành viên trong gia đình*” là sự bù đắp cho ý phải “*tự trang bị khăn tắm và tự dọn phòng*”. Vì vậy, cách dịch gợi ý “*nhưng đổi lại thì*” là hoàn toàn phù hợp, hoặc cũng có thể nói là “*nhưng bù lại*”.

Ở Bài 4, ta cần lưu ý các câu sau đây liên quan đến ngữ pháp văn bản trong khi dịch (câu 2, 4 và 5):

(1) *Sony hopes this new, ultra thin notebook can kick-start its stalled PC business.* (2) *It was a humbling experience for one of the most admired brands in America.* (3) *When Sony rolled out its pricy home PCs in 1996, the company was supposed to lure millions of couch potatoes into the digital age.* (4) *Instead the \$51 billion-a-year Japanese electronics giant barely made a ripple in the market.* (5) *This time it may really have something to brag about.*

Dưới đây là phần dịch gợi ý cho những chỗ cần xem xét:

(2) *Đó là một kinh nghiệm rất nhỏ....*
 (4) *Trước đây....* (5) *Chắc hẳn lần này công ti sẽ có cái để khoe khoang.*

Khi phân tích đoạn văn tiếng Anh trên, có thể thấy cách dịch gợi ý cho rằng các câu 1, 2 và 5 có liên quan nhau: câu 1 là việc cho ra đời máy tính siêu mỏng, câu 2 ý nói đây (việc tung ra sản phẩm siêu mỏng này) chỉ một kinh nghiệm nhỏ của hãng Sony), và câu 5 quy chiếu hồi chỉ vào ý của câu 1 và 2 rằng với việc đưa ra sản phẩm máy tính siêu mỏng – một kinh nghiệm nhỏ, hãng Sony có thể tự hào. Còn câu 3 và 4 liên quan đến nhau về mặt ý: chỉ việc đưa ra một sản phẩm trước sản phẩm siêu mỏng này (câu 3), nhưng lại không thành công như mong đợi (câu 4). Như vậy, từ nối *instead* vốn mang nghĩa *thay cho, thay vì, hoặc thay vào đó*, có nghĩa là “thay vì có thể lôi cuốn hàng triệu khách hàng mua sản phẩm này”, trong ngữ cảnh này chỉ sự nhượng bộ: tung ra sản phẩm có giá trị nhằm lôi cuốn hàng triệu người nhưng rốt cuộc chỉ có ảnh hưởng nhỏ trên

thị trường. Với cách hiểu thế này, có thể dịch từ nối *instead* là *tuy vậy, tuy nhiên*. Còn nếu hiểu theo quan hệ thời gian giữa câu 4 và câu 5, với câu 5 là lần này (*this time*), thì *instead* trong câu 4 lại được dịch là *trước đây*, như trong bản dịch gợi ý của nhóm tác giả nguồn tài liệu này.

Tuy vậy, có thể hiểu nghĩa của đoạn văn này theo cách khác: các câu 1 và 5 liên quan nhau vì cùng chỉ sản phẩm hiện tại, còn các câu 2, 3 và 4 chỉ sản phẩm trước đây (minh chứng rõ ràng nhất là thì trong cả ba câu này đều là quá khứ). Vì vậy, cách dịch “kinh nghiệm làm bề mặt” phù hợp hơn do nói về sản phẩm tung ra trước đây với nhiều kì vọng nhưng cuối cùng thất bại trong doanh số.

Một điểm ngữ pháp trên câu khác cũng cần lưu ý trong văn bản này là cách dùng đại từ để quy chiếu vào người hoặc vật được giới thiệu trong câu trước. Trong tiếng Anh rõ ràng có thể dùng đại từ *it* trong câu 5 để chỉ tập đoàn điện tử khổng lồ trong câu 4, đây là từ các diễn đạt đồng nghĩa của từ Sony trong câu 3. Tuy vậy, trong tiếng Việt, phương tiện liên kết hình thức lại khác Thường thì lập từ vựng hoàn toàn được sử dụng trong tiếng Việt. Vì thế, cách dịch gợi ý *công ti* là phù hợp so với các chuẩn mực trong ngôn ngữ đích là tiếng Việt.

Cần lưu ý là cách dịch của SV sẽ được nhóm theo nghĩa. Có nghĩa là, nếu hình thái có khác nhau nhưng có thể dùng để diễn tả cùng một loại nghĩa thì chúng được nhóm lại với nhau cho dù các loại nghĩa này không phải là loại nghĩa mà tác giả văn bản ngôn ngữ nguồn muốn lồng

ghép vào. Như vậy, có khả năng một trong các loại nghĩa này trùng với ý định của tác giả văn bản nguồn hoặc cũng có thể không trùng.

4. Phân tích cứ liệu và bình luận kết quả nghiên cứu

4.1. Phân tích cứ liệu

4.1.1. Bài 1 Dịch Việt-Anh: Cộng hưởng thầy trò

Có tất cả 6 SV vắng trong buổi học này (S4, S10, S13, S27, S30, và S39), nên cứ liệu chỉ được thu thập từ 39/45 SV cho bài này. Cách dịch của SV đối với nhóm từ “Đó là bài văn” có thể được chia thành 5 nhóm: (1) dùng *the first* với *one/essay/article* (17/27); (2) dùng đại từ ngôi thứ 3 số ít (it) và ngôi thứ 3 số nhiều (they) (9/39); dùng đại từ chỉ định số ít (this) và số nhiều (these/those) (7/39); dùng cấu trúc *one of / one is* (5/39); và dùng cấu trúc *There are* (Có) (1/39). Như đã trình bày trong phần phân tích bản dịch gợi ý trong chương trước, để chỉ cái đầu tiên trong số 2 cái ta dùng “one of them”. Chính vì vậy, chỉ có 3 SV dịch chính xác theo chuẩn mực tiếng Anh. Các cách dịch khác như *one of the two writings* (1/39), *one of the two* (1/39), *one* (1/39) dù không chuẩn xác nhưng chấp nhận được và tốt hơn nhiều so với các nhóm khác, đặc biệt là cấu trúc *They are* trong nhóm 2 và *There are* trong nhóm 5. Việc dịch dùng 2 cấu trúc này bộc lộ sự lúng túng, đặc biệt là khi phải đưa vào bài văn thứ 2.

Cách SV dịch đối với nhóm từ “bài văn thứ 2” có thể được phân thành 4 nhóm như sau: (1) dùng từ *another* một mình hoặc với các từ *essay* hay là *one* (4/39);

dùng từ *the other* một mình hoặc với từ *one* (3/39); dùng *the second* với *one* hoặc *essay* (27/39); và nhóm các trường hợp khác (*the one of* hoặc *the essay* hoặc không dùng gì để diễn tả ý “thứ hai” cả (5/39). Như vậy, đa số SV dùng cách dịch “the second one” (24/39). Tuy nhiên, đây không phải là chuẩn mực trong tiếng Anh vì như đã trình bày và biện giải trong chương phương pháp, để chỉ người hoặc vật thứ 2 trong số 2 người hoặc 2 vật, trong tiếng Anh ta dùng “the other”. Chính vì vậy, cách dịch của SV trong nhóm 2 (gồm 3/39) là chính xác, phù hợp với chuẩn mực trong tiếng Anh. Cách dịch dùng *another* là sai do có nghĩa một người khác hoặc một vật khác, chứ không dùng để chỉ người/vật thứ 2 trong số 2 người/vật.

Kết quả tổng kết cách dịch các yếu tố ngữ pháp trên câu – “bài thứ nhất”, “bài thứ hai”, và “Nếu (thì) ...” trong câu 3, Bài 1 “Cộng hưởng thầy trò” cho thấy SV xử lý tốt phần đầu, bài thứ nhất, với 34/39 SV đưa ra các hình thái để biểu đạt nội dung nghĩa chấp nhận được. Tuy nhiên, nhiều SV vẫn chưa xác định chính xác mối quan hệ nghĩa khi dịch từ nối ý “Nếu ... (thì) ...”, dẫn đến kết quả hơn phân nửa (21/39) dịch không đạt. Đáng lưu ý là tuyệt đại đa số không xử lý tốt phần thứ hai, bài thứ hai, khi dịch sang tiếng Anh do chịu nhiều ảnh hưởng của các chuẩn mực trong tiếng Việt.

Cụ thể, phần dịch “bài thứ nhất” được chia thành 2 nhóm. Nhóm 1, chiếm 34/39 SV, dùng *the first* một mình hoặc kết hợp với các từ như *one/ essay/ paper/ article/ writing*. Trong các cách này, cách

kết hợp với *one* và *essay* chiếm tần số cao nhất với 16/39 và 13/39 theo thứ tự này. Cách dịch dùng *the former* là không đạt, do thường thì nếu trước đó ta dùng 2 danh từ thì trong câu tiếp theo để chỉ người hoặc vật thứ nhất, để tránh sự lặp lại ta dùng từ *former*, còn để chỉ danh từ thứ hai ta dùng *latter* với cùng mục đích tránh lặp từ vựng hoàn toàn.

Cách dịch “bài thứ hai” của SV được chia thành 3 nhóm: (1) dùng *the second* một mình hoặc kết hợp với các từ khác như *one, essay, paper, article, writing, work* (30/39); (2) dùng *the latter* (5/39); và dùng *the other* (4/39). Trong nhóm 1, nổi trội vẫn là cách dùng *the second one* với tần số 20/39. Cũng như trường hợp trong câu 2, cách dịch như thế này trong câu 3 chịu ảnh hưởng của ngôn ngữ nguồn, tiếng Việt, cũng với các chuẩn mực của ngôn ngữ này. Tuy nhiên, như đã giải thích và diễn giải khi phân tích cứ liệu cách dịch câu 2 ở trên, để chỉ người hoặc vật thứ 2 trong số 2 người, hoặc 2 vật trong tiếng Anh ta dùng *the other*. Chỉ có 4/39 SV theo quy tắc ngữ pháp trên câu này trong bài dịch của mình. Cuối cùng, cách dịch *the latter* với 5/39 SV sử dụng là không chuẩn xác cho câu 1 giới thiệu hai bài văn, chứ không đưa ra 2 danh từ. Vì vậy, không thể dùng *the latter* trong trường hợp này vì không đáp ứng được quy tắc ngữ pháp trên câu trong tiếng Anh.

“Nếu ... thì ...” ở tiếng Việt trong văn cảnh bài văn này được SV dịch theo nhiều cách khác nhau, các cách này có thể nhóm thành 5 và được phân tích như sau: (1) dùng trạng từ hoặc trạng ngữ chỉ sự tương phản để bổ nghĩa cho cả câu:

meanwhile (2/39), *however* (1/39), *on the other hand* (2/39); dùng liên từ để chỉ sự tương phản: *whereas* (2/39), *while* (10/39), *whilst* (1/39); dùng liên từ để chỉ điều kiện: *if (then/while) ...* (3/39); dùng liên từ chỉ thời gian: *when* (3); và không sử dụng từ nối ý gì cả (4/39).

Cụ thể, nhóm 1, gồm 5/39 SV, dùng đại từ chỉ sự tương phản để kết nối ý khi miêu tả đặc trưng của hai bài văn. Khác với liên từ, dùng để kết nối ý của hai mệnh đề, trạng từ hoặc trạng ngữ dùng để kết nối 2 ý đối lập hoặc tương phản trong 2 câu. Như vậy, về mặt chấm câu, trước các trạng từ hoặc trạng ngữ này ta phải dùng dấu chấm hoặc dấu chấm phẩy, còn sau đó ta dùng dấu phẩy. Do ý của các trạng từ hoặc trạng ngữ này đều để chỉ sự tương phản khi kết nối ý, nên cách dùng của SV đối với nhóm này là chấp nhận được do nghĩa được bảo toàn dù rằng các hình thức là khác nhau.

Giống nhóm 1, nhóm 2 cũng xác định được sự tương phản trong quan hệ liên kết ý giữa hai bài văn. Tuy nhiên, khác với nhóm 1 chỉ dùng trạng từ hoặc trạng ngữ, nhóm 2 dùng liên từ để tạo liên kết. Nhóm này chiếm 1/3 số lượng SV (13/39), trong đó, việc sử dụng từ nối ý *while* là nhiều hơn: 10/39 SV dùng liên từ này.

Rõ ràng, SV Biên-piên dịch có chú ý đến ý trong khi dịch do đây là chuyên ngành của mình và đã học qua nhiều môn về biên dịch báo chí, thương mại và du lịch nên có gần phân nửa (18/39, cộng dồn 2 nhóm đầu) xác định được ý tương phản khi phân tích bài văn và dùng hình thái phù hợp để diễn đạt ý này. Tuy vậy, vẫn có hơn phân nửa không làm được như vậy và lệ

thuộc vào đặc điểm của ngôn ngữ nguồn hoặc hiểu không đúng ý của tác giả. Cách dịch này được chia thành 3 nhóm: (1) dùng liên từ điều kiện *if ... then/while (?)* ... (14/39); dùng liên từ chỉ thời gian: *when* (3/39); hoặc không dùng liên từ một cách tường minh gì cả (4/39).

Cụ thể, cách dịch thứ nhất là phổ biến nhất trong toàn bộ các cách dịch kể cả nếu tính luôn 2 nhóm trên với tần số 14 trong tổng số 39 SV. Điều này cho thấy người dịch chưa thực sự làm tốt bước chuẩn bị trước khi chuyển di nghĩa từ ngôn ngữ nguồn sang ngôn ngữ đích và còn lệ thuộc rất nhiều vào cấu trúc và đặc điểm của ngôn ngữ đích. Cá biệt, có trường hợp (S3) dùng cả liên từ *if* lẫn liên từ *while* trong cùng một câu dù rằng đây không phải là chuẩn mực trong tiếng Anh: Không thể dùng liên từ trong cả hai mệnh đề.

4.1.2. Bài 2 Dịch Anh – Việt: *Goldman Sachs sees strong results*

Phần phân tích cứ liệu cho những vấn đề liên quan đến ngữ pháp văn bản trong bài 2 trong câu 1 và câu 2 được trình bày như sau. Cách dịch từ *quarterly* trong câu 1 của SV có thể được phân thành 5 nhóm: (1) dùng từ hoặc ngữ *hàng/hằng quý/quí* (12/45), (*của/theo/trong*) *quý/quí* (13/45), *từng quý* (1/45), *một/mỗi quý* (6/45) (tổng cho nhóm này là 32/45); (2) dùng *quý vừa rồi* hoặc *quý vừa qua* (5/45); (3) dùng *cuối quý/ quý cuối* hoặc *quý này* (5/45); và (4) dùng *quý 3 tháng* hoặc *1/4* (3/45). Phần phân tích chi tiết được trình bày trong các đoạn văn sau đây.

Trước hết, lí do 4 cách dùng từ ngữ khác nhau trong ngôn ngữ đích tiếng Việt

để dịch từ *quarterly* trong ngôn ngữ nguồn tiếng Anh được nhập chung thành một nhóm, nhóm 1, là như sau: SV chỉ đơn giản dựa vào kiến thức có được ngôn ngữ nguồn để dịch. Do *quarter* là danh từ có nghĩa là *quý* (khoảng thời gian 3 tháng) nên khi thêm hậu tố *ly* để cấu tạo tính từ thì từ mới được cấu tạo có nghĩa như đã được SV sử dụng: chỉ dùng từ *quý* hoặc thêm vào các từ như *hàng, từng, một/mỗi*.

Như đã phân tích trong chương phương pháp, cách dịch *quý vừa rồi* hoặc *quý vừa qua* là hoàn toàn phù hợp trong văn cảnh của câu. Tuy nhiên, chỉ có 5/45 SV đưa ra cách dịch này. Các trường hợp còn lại trong nhóm 3, 4, và 5 dịch không chuẩn xác, đặc biệt là nhóm cuối cùng, hoàn toàn sai nghĩa so với ý định của tác giả bài viết trong ngôn ngữ nguồn và khi nói về thời gian trong tình huống giao tiếp này, không ai lại dùng $\frac{1}{4}$ để chỉ quý cả dù cách dùng 3 tháng có thể chấp nhận được, do người dịch (S7) nhầm lẫn giữa thời gian và khoản lợi nhuận:

Cách SV dịch nhóm từ “previous quarter” trong câu 2 được phân thành các nhóm như sau: (1) dùng *quý/quí* với *vừa qua* (3/45), *vừa rồi* (5/45), *trước* (32/45) (tổng cho nhóm này là 40/45); dùng *quý* với *trước nữa* hoặc *trước đó* (3/45); dùng *quý đầu tiên* (1/45); và dùng $\frac{1}{4}$ *trước đó* (1/45).

Đa số (40/45) SV chọn cách dịch trong nhóm 1 là do trong ngôn ngữ nguồn có 2 từ *quarter* có nghĩa là *quý* và *previous* có nghĩa là *trước, rồi, qua* và nếu ghép lại ta có như cách dịch của SV trong nhóm này. Tuy nhiên, nghĩa của nhóm từ này,

đặc biệt là tính từ *previous*, trong câu 2 lại bị nghĩa của từ *quarterly* trong câu trước, câu 1, chi phối mạnh và quyết định loại nghĩa đúng phải là *quý trước nữa, quý trước đó*, như cách dịch của chi 3/45 SV thuộc nhóm 2.

Các trường hợp còn lại rõ ràng là dịch sai do hiểu sai, không dựa vào từ ngữ có trong văn bản chứ chưa nói đến sự cân nhắc ngữ pháp trên câu trong khi dịch.

Cuối cùng, từ *quarterly* trong câu 2 được SV dịch tốt nhất. Từ này được dịch theo 4 cách khác nhau, trong đó nhóm đầu, cũng là cách dịch tốt nhất, chiếm đa số: (1) bỏ từ này trong khi dịch (31/45); (2) dùng hàng quý hoặc quý 3 tháng 1 lần (6/45); (3) dùng *quý đầu tiên* hoặc *ở quý đầu* (5/45); và dùng trong 3 *tháng liên tiếp, hàng tháng*, hoặc bỏ không dịch câu có từ này (3/45).

Cụ thể, đa số SV (31/45) chọn cách bỏ từ *quarterly* trong khi dịch câu 2 để giữ sự tự nhiên trong ngôn ngữ đích là tiếng Việt.

4.1.3. Bài 3 Dịch Anh-Việt: *No place like home away from home*

Có 5 SV vắng (S11, S24, S27, S30, và S45), nên cứ liệu chỉ được thu thập từ 40/45 SV. Kết quả phân tích cứ liệu dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt Bài 3 trong bảng trên cho thấy rõ ràng SV có khá nhiều cách dịch câu 3, đặc biệt là từ *considerate* trong câu này. Vì vậy, có khá nhiều cách dịch do hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau: (1) dùng *ý tứ* một mình (6/40); (2) dùng từ *ý tứ* trong sự kết hợp với các từ khác như *chìmng mực* (1/40), *khôn khéo* (1/40), *chu đáo* (1/40), *quan tâm đến gia chủ* (1/40), hoặc dùng

làm mích lòng gia chủ (dùng một mình không có từ *ý tứ*, nhưng vẫn được xếp vào đây do có liên quan đến *ý quan tâm đến gia chủ* bên trên) (1/40) (tổng là 5/40); (3) dùng từ *quan tâm* một mình (2/40) hoặc trong sự kết hợp với các từ khác như *để ý* (1/40), *tinh tế* (1/40), *lưu ý* (1/40), (*quan tâm*) *đến tình cảm của gia chủ* (1/40), *để ý, quan sát* cũng được xếp vào nhóm này dù không có kết hợp với từ *quan tâm* (3/40) (tổng là 9/40); (4) dùng từ *chu đáo* (2/40), *ân cần chu đáo* (4/40), *ân cần* (1/40) (tổng là 7/40); (5) dùng từ *thận trọng* (3/40), *thận trọng, biết suy xét* (1/40), *cẩn trọng* (2/40) (tổng là 7/40); (6) dùng từ *đúng mực*; (7) dùng từ *nhớ, cân nhắc*, hoặc không dịch từ này trong câu (3/40); và (8) bỏ câu này không dịch (1/40). Chi tiết về cách dịch trong từng nhóm được tiếp tục trình bày sau đây.

Nhóm 1 gồm 6 trường hợp có dùng từ *ý tứ* trong bản dịch của mình. Tuy nhiên, khi xem xét kỹ thì lại được chia tiếp thành 2 tiểu nhóm với số lượng là 5 và 1. Năm trường hợp đầu, như đã biện giải trong chương phương pháp, được xem là hiểu ý định tác giả nguồn và dịch chính xác trong ngôn ngữ đích.

Để xem xét trường hợp duy nhất còn lại trong nhóm này và được tách ra riêng, trước hết hãy xem cách dịch của SV này: Nguyên tắc bất thành văn duy nhất mà bạn cần phải *ý tứ* (S5). Mặc dù SV này dùng từ đúng trong ngôn ngữ đích là tiếng Việt để dịch từ *considerate* trong ngôn ngữ đích là tiếng Anh, nhưng nghĩa của cả câu lại không đúng như ý định ban đầu của tác giả trong ngôn ngữ nguồn. Từ *mà* ở đây được

hiểu là “Bạn cần phải ý tứ” đến “nguyên tắc bất thành văn”. Nếu vậy, người đọc có thể đặt câu hỏi khi đọc bản dịch: “Nguyên tắc bất thành văn đó là gì?”. Chính vì vậy, cách dịch này không chuyển tải được thông điệp của tác giả nên không được xem là cách dịch đạt.

Đối với nhóm 2 (5/40), mặc dù có từ đúng là *ý tứ*, nhưng việc thêm những từ khác, như *khôn khéo*, *chu đáo*, *quan tâm đến gia chủ*, *đừng nên làm méch lòng gia chủ*, lại làm ý của ngôn ngữ nguồn chệch đi, không đúng với ý định ban đầu của tác giả: phải giữ gìn ý tứ, không được đòi hỏi vì ở nhà trọ chứ không phải ở khách sạn, chứ không phải quan tâm đến gia chủ và đừng làm méch lòng gia chủ. Việc phân tích ở trên cho nhóm 2 dẫn đến kết quả là cách dịch đối với nhóm 3 (9/40) với từ chính là quan tâm là không thỏa đáng. Thể hiện rõ nhất là cách dịch cuối cùng trong nhóm này, khác xa so với ý định của tác giả văn bản nguồn. Tương tự, cách dịch trong nhóm 4 (8/40) với các từ như *chu đáo*, *ân cần*, hoặc là kết hợp của cả hai từ này không phản ánh đúng ý định của tác giả ngôn ngữ nguồn.

Có thể thấy rõ trong văn bản của ngôn ngữ nguồn, dù rằng có chỗ trong đoạn văn tác giả dùng ngôi thứ hai, chủ đề của đoạn văn là về du khách chứ không phải chủ nhà. Cách dịch của SV trong 2 nhóm 5 và 6 cũng có thể chấp nhận được mặc dù nghĩa không được chuẩn xác như trong nhóm 1. Nhóm cuối cùng (1/40) thấy khó xác định nghĩa nên bỏ không dịch, còn nhóm kế cuối (4/40) lại diễn đạt sai ý ban đầu.

Theo cách dịch trong nhóm 6, tính từ *considerate* được cấu tạo từ động từ *consider* nên được dịch thành *cân nhắc* hoặc *nhớ* và chủ từ của câu là *The only rule of thumb* được dịch như trên là *nguyên tắc* được dùng để bổ nghĩa cho động từ này. Cách hiểu này rõ ràng không phải ánh đúng ý định của tác giả ngôn ngữ nguồn.

Đối với câu 8 trong Bài 3, cách dịch của SV được chia thành 2 nhóm: có kết nối ý một cách tường minh (7/40) và không có kết nối ý một cách tường minh (33/40). Phần phân tích cũng lưu ý cách dịch đại từ *they* từ tiếng Anh sang tiếng Việt và cách dịch của SV được phân thành ba nhóm: (1) dùng *họ* (2+18 = 20/40), (2) dùng *du khách/ khách/ khách trọ* (4+11=15), và (3) dùng *bạn* (1+4=5/40).

Cụ thể, nhóm có kết nối ý một cách tường minh, sử dụng các cách diễn đạt để nêu lên mối liên kết giữa câu này với câu trước (câu 7) một cách tường minh. Các cách dịch này tiếp tục được phân thành 2 nhóm: (1) quy chiếu trực tiếp vào những việc du khách phải làm trong câu trước (nghĩa là tự trang bị khăn tắm và tự dọn giường vào buổi sáng), dùng: *Những việc như vậy* (S14), *Nhờ những việc này* (S29), *Họ sẽ làm các việc này* (S43), và (2) nói chung hơn: *Đến với những nhà trọ gia đình này* (S18), *Điều này* (S19, S35), *Cuộc sống ở đây* (S22). Cách dịch của SV nhóm 1 rõ ràng có liên kết tốt hơn cách dịch của SV nhóm 2 do xác định được vật quy chiếu chính xác hơn trong câu trước.

Trong câu 8 này, ngoài liên kết nội dung với câu trước, còn có điểm ngữ pháp trên câu là vấn đề quy chiếu. Trong tiếng

Anh, như đã trình bày trong phần lí luận, đại từ được sử dụng trong câu trước. Khi dịch sang tiếng Việt, SV chọn 3 cách: (1) vẫn dùng đại từ trong tiếng Việt là *họ* (20/40); (2) dùng lặp từ vựng: (*du khách* (*trọ*) (15/40); và dùng từ *bạn* (5/40). Rõ ràng, cách dùng lặp từ vựng phù hợp với ngôn ngữ đích hơn.

4.1.4. Bài 4 Dịch Anh – Việt: *Fire up the knee top*

Có 4 SV vắng buổi học (S24, 27, 30, và 38), nên cứ liệu cho bài này được thu thập từ 41/45 SV. Cách dịch của SV đối với trạng từ *instead* rất đa dạng và được nhóm thành 5 nhóm khi phân tích theo nghĩa: (1) dùng “*thay vào đó*” để liên kết ý với câu trước (13/41); (2) dùng các hình thái sau để liên kết ý trong câu 4 này mà thôi: “*thay vì*”; “*tuy nhiên*”, “*thay vì*”; “*mặc cho*”; “*mặc dù*”; “*trong khi*”; “*nhưng*”; “*nếu*” (18/41); (3) dùng “*nhưng thay vì vậy*”, “*nhưng thay vào đó*” (3/41); (4) dùng “*tuy nhiên*”, “*thế nhưng*” (5/41); và (5) dịch câu nhưng không có từ này (2). Có thể thấy rõ SV bám vào đặc điểm của ngôn ngữ nguồn khi dịch: dùng “*thay vào đó*”, “*thay vì*” với tần số 25/41 để liên kết ý với câu trước, câu 3 (trong nhóm 1) và trong nội bộ câu này, câu 4 (trong nhóm 2). Cách dịch trong nhóm 1 có thể tạm chấp nhận được dù liên kết chưa được làm rõ lắm thông qua cách dùng từ nối này, đặc biệt là trong ngôn ngữ đích, tiếng Việt. Còn đối với nhóm 2, rõ ràng cách dịch của SV khác xa với ý định của tác giả. Cách dịch của SV nhóm 4 rõ ràng thể hiện đúng mối liên kết ban đầu trong ngôn ngữ nguồn, còn nhóm 3 cũng chấp nhận được

dù cách dịch không được gãy gọn trong cách dùng từ ngữ.

Đối với điểm ngữ pháp trên trong Bài 4 này, việc sử dụng đại từ *it* trong ngôn ngữ nguồn là tiếng Anh trong câu 5 được SV hiểu vật quy chiếu trong câu trước hoặc trước nữa khác nhau và vì vậy đã đưa ra 6 cách chuyển di nghĩa khác nhau cho cùng một đại từ này: (1) dùng từ *hãng Sony* (2/41), *Sony* (10/41), *hãng* (7/41), *công ti* (4/41) (tổng là 31/41); (2) dùng *gã khổng lồ này* (1/41); dùng đại từ nhân xưng ngôi thứ ba số ít *nó* (1/41), ngôi thứ ba số nhiều *họ* (4/41), ngôi thứ nhất số nhiều *chúng ta* (1/41) (tổng là 6/41); dùng từ *Nhật (Bản)* hoặc *quốc gia này* (3/41); (5) dùng *điện tử Nhật Bản* (1/41); và (6) dịch câu này nhưng bỏ đại từ này trong bản dịch (7/41). Như vậy, đa số SV dùng lặp từ vựng hoàn toàn trong ngôn ngữ đích (tiếng Việt) để dịch đại từ ngôi thứ ba số ít *it* trong ngôn ngữ nguồn (tiếng Anh). Cách dịch trong nhóm 1 là chấp nhận được theo các chuẩn mực của ngôn ngữ đích.

4.2. Bình luận kết quả nghiên cứu

4.2.1. Vấn đề SV gặp phải

Trong bài 1, có thể thấy SV gặp khá nhiều khó khăn khi xử lí văn bản nguồn do hình thái dùng để biểu đạt nội dung liên quan đến ngữ pháp văn bản là hoàn toàn khác nhau trong ngôn ngữ nguồn và ngôn ngữ đích. Ngoài những trường hợp dựa hoàn toàn vào quy tắc ngữ pháp trên câu trong tiếng Việt để dịch sang tiếng Anh, rõ ràng SV có nhận thức về các chuẩn mực trong tiếng Anh như ngôn ngữ đích trong khi dịch và đã cố gắng xử lí hình thái cho đúng với nội dung theo cách hiểu của

mình. Khi đã xác định được đúng nghĩa, SV đã dùng các hình thái khác nhau mà mình đã học để chuyển tải nội dung. Tuy vậy, trong đa phần các trường hợp, số SV xử lý tốt cả nghĩa lẫn hình thái vẫn thuộc thiểu số.

Trong bài 2, đa số SV chưa làm tốt công việc chuẩn bị trước khi dịch, đặc biệt là trong quá trình đọc và phân tích văn bản ban đầu. SV dựa hẳn vào kiến thức mình đã biết về những từ ngữ khá quen thuộc và dùng ngữ cảnh quen thuộc để dịch những từ ngữ này, chưa chú ý đến các mối liên kết từ vựng giữa 2 câu liền kề nhau trong văn bản. Có thể thấy rằng không phải lúc nào nghĩa trong từ điển cũng có thể giúp người học, đặc biệt là khi phải xác định nghĩa của từ trong ngữ cảnh cụ thể của bài viết, khi nghĩa bị chi phối bởi yếu tố từ vựng trong câu trước.

Bài 3 có thể được xem như một điển hình về việc phải chú ý đến vấn đề ngữ pháp trên câu trong khi dịch vì nếu không kết quả sẽ là một bản dịch hoàn toàn khác với ý định của tác giả. Sự đa dạng trong cách dịch của SV đối với vấn đề đầu tiên được xem xét cho thấy SV chưa thực sự hiểu đúng nghĩa của câu do quan hệ nghĩa giữa hai câu cận kề không được tường minh bằng cách dùng từ nối ý, và trong trường hợp này là ý của câu sau quyết định việc dịch nghĩa câu đang xét. Việc không chú ý đến hai câu liền kề trong khi dịch dẫn đến hệ lụy tiếp theo là cách dịch của SV thường không làm rõ được mối quan hệ về nghĩa trong ngôn ngữ đích, dẫn đến việc không thể có được một bản dịch hay.

Bài 4 cũng gây khá nhiều khó khăn cho SV dù rằng phương tiện liên kết hình thức giữa hai câu liền kề là tường minh trong ngôn ngữ nguồn. Nguyên nhân có thể là do SV không xác định được chính xác mối quan hệ nghĩa câu có từ nối này và câu trước. Do đó, khá nhiều trường hợp lại nghĩ rằng liên kết tồn tại trong nội bộ câu, dẫn đến cách dịch không đúng với ý định của tác giả. Khá nhiều hình thái được sử dụng, một mặt thể hiện sự cân nhắc, thận trọng của SV trong việc xác định nghĩa văn bản cần dịch, mặt khác thể hiện sự bối rối, lúng túng trong quá trình xác định nghĩa này. Điểm đáng mừng đối với bài này là SV đã bắt đầu có nhận thức về vấn đề ngữ pháp trên câu, đặc biệt là phép quy chiếu dùng đại từ.

4.2.2. Cách xử lý của SV

Trong bài 1, SV đã dùng nhiều cách khác nhau để xử lý bản dịch của mình khi gặp phải những vấn đề thuộc ngữ pháp trên câu. Nổi trội nhất trong các cách này vẫn là dựa vào đặc điểm của tiếng Việt như ngôn ngữ nguồn khi chuyển di sang tiếng Anh như ngôn ngữ đích. Tuy vậy, nếu lí giải vấn đề theo một hướng tích cực hơn, thì ta có thể nói SV đã áp dụng chiến lược đơn giản hóa các quy tắc ngữ pháp trên câu trong ngôn ngữ đích là tiếng Anh bằng cách chuyển di các quy tắc có sẵn trong ngôn ngữ nguồn là tiếng Việt.

Trong bài 2, rõ ràng SV có ý thức dịch sao cho nghe có vẻ tự nhiên đối với độc giả trong ngôn ngữ đích bằng cách áp dụng kĩ thuật bỏ, không dịch từ có trong ngôn ngữ nguồn do thấy rằng nếu đưa vào bản dịch nghe rườm rà, không tự nhiên.

Song, SV vẫn gặp nhiều khó khăn khi xác định nghĩa của từ trong văn cảnh và ảnh hưởng của nghĩa câu trước đối với nghĩa của câu đang xét. Để giải quyết vấn đề này, cách thường dùng vẫn là bám sát văn bản nguồn và dùng kiến thức sẵn có về nghĩa của từ để dịch từ ngôn ngữ nguồn sang ngôn ngữ đích dù rằng cách xử lí như thế này không đảm bảo nghĩa của từ trong văn cảnh, không bảo đảm nghĩa của từ trong câu này trong mối quan hệ với nghĩa của từ trong câu trước.

Trong bài 3, việc xác định nghĩa của câu đang xét là khá khó khăn do liên kết nghĩa giữa 2 câu liền kề không dễ xác định: câu đang xét có thể có liên kết nội dung với câu trước hoặc câu sau dù rằng từ trong câu đang xét là từ khá quen thuộc. Khi không xác định rõ mối quan hệ về nghĩa, cách xử lí của SV vẫn là dựa vào kiến thức có sẵn về nghĩa của từ hoặc dùng từ điển. Đây vẫn được xem là nỗ lực của người học khi gặp khó khăn trong quá trình dịch. Thêm vào đó, người học không quan tâm làm rõ sự liên kết giữa hai câu liền kề do không phải lúc nào cũng dễ xác định, và vì vậy, chiến lược được sử dụng vẫn là bám vào cấu trúc của văn bản nguồn, dù mối liên kết không được làm rõ thông qua phương tiện liên kết hình thức trong văn bản nguồn, giúp người đọc dễ tiếp thu hơn.

Trong bài 4, SV cũng gặp khó khăn trong việc xác định liên kết giữa các câu trong một đoạn văn dù rằng phương tiện liên kết hình thức khá tường minh trong ngôn ngữ nguồn là tiếng Anh. Khi gặp khó khăn như vậy, cũng như các trường hợp trước trong các bài từ 1 đến 3, SV dựa vào

hình thức của ngôn ngữ nguồn, được xem như một chiến lược phổ biến trong quá trình dịch.

5. Kết luận

Kết quả nghiên cứu, như đã được phân tích và bình luận ở chương trước, giúp trả lời 2 câu hỏi nghiên cứu đặt ra ở đầu bài viết:

1. Liên kết nội dung gây khó khăn lớn nhất cho SV vì trong phần lớn các trường hợp SV không xác định được loại nghĩa theo đúng ý định của người viết trong ngôn ngữ nguồn, tiếp theo là các trường hợp hình thái không tương đương trong hai ngôn ngữ để diễn đạt cùng loại ngữ nghĩa do các phương tiện liên kết hình thức trong hai ngôn ngữ không phải lúc nào cũng giống nhau. Người học ít gặp khó khăn đối với các trường hợp có sự tương đồng cả về cả nội dung lẫn hình thức.

2. Có thể thấy rõ trong phần lớn các trường hợp khi gặp khó khăn do không xác định được liên kết nội dung hoặc do hình thái không tương đồng trong hai ngôn ngữ, người học thường bám sát vào ngôn ngữ nguồn như là cứu cánh duy nhất mà họ có thể có được vào thời điểm đó. Dù đây không phải là sự lựa chọn tốt nhất nhưng thiết nghĩ cũng giúp người học phần nào giải quyết những khó khăn trong quá trình dịch. Tín hiệu đáng mừng là khi những vấn đề này được thảo luận và chỉ ra trên lớp, người học bắt đầu có nhận thức về vai trò của ngữ pháp văn bản và có chú ý khi dịch trong các giờ học tiếp theo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Thanh Lương. (2000). *Phương pháp cơ bản dịch Việt Anh & ngữ pháp*. NXB Đồng Nai.
- Nhóm EIL. (2006). *Cẩm nang Luyện dịch báo chí Anh – Việt Việt – Anh*. TP Hồ Chí Minh: NXB Thanh niên.
- Nida, E. A., & Taber, C. R. (1982). *The theory and practice of translation*. E. J. Brill, Leiden.
- Trần Ngọc Thêm. (1985). *Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt*. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.
- Trương Quang Phú. (2008). *56 bài luyện dịch Anh – Việt Việt – Anh*. Cà Mau: NXB Phương Đông.
- BBC. (2009). *Goldman Sachs sees strong results*. Retrieved from <http://news.bbc.co.uk/2/hi/business/7997377.stm>
- Catford, J. C. (1965). *A linguistic theory of translation: An essay in applied linguistics*. Aylesbury, Bucks: Hazell Watson & Viney Ltd.
- Bell, R. T. (1991). *Translation and translating: Theory and practice*. London: Longman.
- Hà Văn Bửu. (2004). *Những mẫu câu Anh – Việt Việt – Anh* (Tái bản lần thứ 3). NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.
- Halliday, M. A. K., & Hasan, R. (1976). *Cohesion in English*. London: Longman.
- Larson, M. L. (1998). *Meaning-based translation: A guide to cross-language equivalence* (2nd ed.). Lanham: University Press of America, Inc.
- Munday, J. (2008). *Introducing translation studies: Theories and applications* (2nd ed.). London: Routledge.
- Newmark, P. (1988). *A textbook of translation*. New York: Prentice Hall.